

# Động thái của mô hình văn hóa gia đình qua các cuộc khảo sát xã hội học

TRƯỜNG XUÂN TRƯỜNG

Khi nhìn nhận văn hoá là kiểu mẫu, là luật lệ, là tổ hợp của giá trị và lý tưởng thì cũng thống nhất rằng văn hoá là bảo tồn sự hiện hữu của xã hội và cung cấp cho xã hội những khả năng cần thiết để hoạt động. Văn hoá gia đình vì thế là bộ phận hữu cơ trong tổng thể văn hóa của một dân tộc, và tìm hiểu động thái văn hoá gia đình là một cách tiếp cận để hình dung toàn bộ khuôn mặt nông thôn Việt Nam.

Hiện nay ở nước ta khi có nhiều biến động lớn trong đời sống kinh tế - xã hội thì cũng diễn ra những chuyển đổi quan trọng về các giá trị văn hóa. Chính vì thế văn hoá gia đình có liên kết nội tại với các vấn đề kinh tế - xã hội khác của đất nước như sản xuất theo cơ chế thị trường, vấn đề áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, vấn đề dân số và môi trường, vấn đề phát triển nông thôn v.v... Văn hoá gia đình trước hết là một kết cấu các chuẩn mực, các giá trị trong các quan hệ gia đình mang ý nghĩa xã hội.

Có rất nhiều cách tiếp cận mô hình văn hóa gia đình. Ở bài viết này chúng tôi muốn tìm hiểu một số động thái của văn hóa gia đình thông qua các chỉ báo từ khảo sát về dân số và kế hoạch hoá gia đình trong khuôn khổ dự án VIE/88/P05. Cụ thể là chúng tôi sử dụng kết quả của ba cuộc điều tra xã hội học trong hai năm 1990-1991 của dự án tại các địa phương Văn Nhân (Hà Tây), Điện Hồng (Quảng Nam - Đà Nẵng và Tân Cự Nghĩa (Tiền Giang) với số mẫu là 1195 hộ gia đình nông thôn và 820 chị em là đối tượng đã có gia đình trong độ tuổi sinh đẻ.

\*

\* \*

## I. GIA ĐÌNH NÔNG THÔN HIỆN NAY - HÌNH DUNG MỘT KẾT CẤU

Xưa nay hình dung về gia đình truyền thống, người ta thường nhắc đến những biểu tượng như “tam tứ đại đồng đường”, “đông con nhiều cháu”, “nhà cao cửa rộng” hay “trước cau sau mít, cá vít chân bèo” v.v... Tất cả đều phản ánh một hệ thống các chuẩn giá trị cổ truyền. Cùng với như biến thiên của lịch sử, toàn bộ những giá trị ấy cũng biến đổi. Vậy nhưng hình dung một khuôn mẫu văn hóa gia đình hiện nay lại không dễ chút nào.

Điều thường gặp trong các nghiên cứu gia đình hiện nay là trước hết người ta tìm hiểu vấn đề các thế hệ. Vấn đề thế hệ trong gia đình nông thôn phản ánh sơ cấp kết cấu nội tại của nó. Mặt khác trong chế độ gia trưởng truyền thống, vấn đề thế hệ vốn được xem như một chuẩn mực giá trị. Các kết quả điều tra của chúng tôi cho thấy tỷ lệ các thế hệ trong gia đình nông thôn hiện nay như sau:

1 thế hệ:	3,6%
2 thế hệ:	72,6%
3 thế hệ:	23,8%

Kết quả khảo sát cũng cho thấy giữa các vùng có sự khác nhau nhưng không đáng kể.

Điều đó chứng tỏ gia đình hạt nhân (1 - 2 thế hệ) chiếm ưu thế hiện nay. Tìm hiểu về số khẩu trong các hộ điều tra cũng cho kết quả tương đồng: gia đình 1-3 người là 22,2%; 4-6 người: 58,7, hơn 6 người: 19,1%.

Chúng tôi không ủng hộ quan điểm cho rằng gia đình truyền thống phải là nhiều thế hệ nhưng nhất trí rằng gia đình truyền thống là đông con. Điều này cũng có chỉ báo từ các cuộc điều tra trên với câu hỏi về số con đã sinh của cha mẹ Các đối tượng được phỏng vấn thì tỷ lệ cao nhất của cả cha và mẹ là có số con từ 5-9: Cha: 63,4%; Mẹ: 63,9%.

Cần lưu ý rằng các bậc "cha mẹ" ở đây là những người ở trong độ tuổi sinh đẻ vào những năm khoảng 1940-1970. Và như vậy lúc đó về quy mô gia đình thì chiếm ưu thế là loại gia đình có từ 7 nhân khẩu trở lên. Chỉ trong thời gian trên dưới hai chục năm mô hình ấy đã nhường chỗ cho loại gia đình có từ 4 đến 6 nhân khẩu, tức là bố mẹ và 2-4 đứa con. Rõ ràng chuẩn mực đông con nhiều cháu truyền thống đến nay đã thay đổi. Có thể nói quá trình hạt nhân hóa hiện nay là thuận lợi. Do tác động của đời sống kinh tế - chính trị, do sức ép của đất đai, dân số mà quá trình đó đã được điều chỉnh phù hợp với tiến hóa xã hội.

Trong xã hội truyền thống nếu làng là một đơn vị kinh tế - chính trị - xã hội khép kín thì gia đình là một đơn vị sinh thái hoàn chỉnh và tuân thủ theo cơ chế đóng. Mỗi con người lúc sinh ra đến khi nằm xuống, từ mỗi thành đạt hay thất bại, từ chuyện nhỏ đến việc to đều bắt đầu và hầu như được quyết định từ gia đình. Là một đơn vị sinh thái hoàn chỉnh, gia đình được biểu hiện như một mô hình văn hóa bền vững, được phản ánh trong cấu trúc thổ cư, trang trí nội thất và chế độ sinh hoạt. Về hình dáng và chất liệu ngôi nhà, về trang trí nội thất có sự khác nhau giữa các vùng của đất nước, nhưng nhìn chung mọi gia đình của nông thôn Việt Nam đều phải hoàn chỉnh hệ thống các bộ phận sau trên đất thổ cư: nhà ở - nhà bếp - chuồng gia súc - nhà vệ sinh - giếng nước - vườn - sân phơi. Tất cả nhằm đáp ứng các nhu cầu tối thượng trong hoạt động sống của gia đình. Đó là nơi sinh hoạt ăn, ở, là nơi sản xuất và tái sản xuất một phần của cải vật chất và chính con người, là nơi giao tiếp, tiến hành lễ tết, giỗ chạp, cưới xin, ma chay. "Nhà cao cửa rộng", "vườn cây ao cá" từ xa xưa đã được xem là một giá trị thành đạt, có tính chất văn hóa trong đời sống gia đình của cư dân nông thôn Việt Nam. Hiện nay qua các nghiên cứu cho thấy các giá trị đó vẫn được bảo lưu. Trước hết, ngoài ý nghĩa kinh tế tiện nghi sinh hoạt còn mang ý nghĩa hơn thế trong tâm lý người Việt. Người ta hình dung gia đình được tiếng là nền nếp, phong lưu thường được gắn với lối sinh hoạt có quy củ, với hình ảnh nhà cửa khang trang, có vườn cây ao cá. Tuy nhiên không thể nhìn nhận rằng các yếu tố văn hóa vật chất ấy vẫn được bảo lưu trọn vẹn. Những biến động thăng trầm của lịch sử đã trộn lẫn, đã loại trừ và bổ sung nhiều yếu tố khác nhau. Số liệu khảo sát cho thấy hiện nay chỉ có 41,3% số gia đình nông thôn có vườn. Điều này có thể lý giải từ phía sức ép của đất đai, của dân số. Hình ảnh các ngôi nhà chen chúc nhau trên các mảnh đất thổ cư vốn đã chật là điều dễ thấy hiện nay, nhất là ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ. Về tình trạng nhà ở nông thôn, số liệu điều tra là: nhà bê tông 4,3%; nhà gạch mái ngói: 38,5%; nhà gạch mái tôn: 5,8%; nhà gỗ mái tôn: 21,5%; nhà gỗ mái lá: 5,4%; nhà tranh mái lá: 16,0%; chưa có nhà ở: 1,2%. Điều đáng chú ý là so sánh giữa các miền thì ở những chỉ số cao nhất là:

Văn Nhân: nhà gạch mái ngói	82,3%
Điện Hồng: nhà gỗ mái tôn	48,1%
Thân Cự Nghĩa: nhà tranh mái lá	31,1%.

Nếu cắt nghĩa sự khác biệt đó bằng khả năng kinh tế chúng tôi cho là chưa chắc chắn. Nhưng dù có thể nói trên giác độ văn hóa thực trạng đó gắn với phong tục, tập quán, gắn với hệ giá trị của các địa bàn dân cư nông thôn khác nhau. Trong thang giá trị của mình, người dân Bắc Bộ xem yếu tố "ở" là rất quan trọng. Ngôi nhà của người dân Bắc Kỳ được xem là biểu tượng của gia đình. Có được ngôi nhà kiên cố, đẹp đẽ, khang trang vốn là mong ước suốt đời của người dân cày ruộng lưu vực sông Hồng, sông Mã. Dù sao ở các tỷ lệ chung là 38,5% nhà gạch mái ngói và 21,5% nhà gỗ mái tôn đã chứng nhận đời sống vật chất của người dân nông thôn Việt Nam hiện nay đã vượt xa quá khứ, khi biểu tượng phổ biến cư trú nông thôn là "mái lá đơn sơ" "nhà tranh vách đất". Hiện nay, ngoài điều kiện ở thì các tiện nghi phục vụ cho đời sống vật chất và tinh thần của những người dân quê cũng đã nhiều hơn về số lượng và có những thay đổi về chất lượng. Số liệu khảo sát các hộ nông dân ở cả 3 miền đất nước là: 62,4% có bể nước ăn; 39,2% có giếng nước; 88,6% có bếp; 35,7% có nhà tắm; 99,1% có giường nằm; 83,9% có bàn ghế. Đặc biệt là đã xuất hiện (dù còn ít ỏi) những phương tiện hiện đại phục vụ đời sống sinh hoạt và nhất là lĩnh vực văn hóa tinh thần, như: vô tuyến truyền hình: 6,1%; radiô: 24,9%; loa truyền thanh: 3,2%; xe gắn máy: 5,6%.

Rõ ràng là sau 16 năm đất nước thống nhất, sau 4 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nông thôn Việt Nam đã có bước chuyển mới. Điều đó được phản ánh vào từng tế bào của xã hội, đó là gia đình. Đã có thể nói rằng

những động thái đó có ảnh hưởng lớn trong sự biến đổi của mô hình văn hóa gia đình truyền thống.

## II. ĐỨA CON - MỘT GIÁ TRỊ VĂN HÓA

Đứa con luôn là một ước vọng, một đảm bảo của hạnh phúc gia đình. Trong tâm lý người Việt Nam truyền thống, con cái còn là một chuẩn giá trị khi kì vọng có "con đàn cháu đống". Là điều hãnh diện ở thôn quê nếu gia đình nào có lắm con nhiều cháu, mỗi kì hội lễ, giỗ chạp tấp nập kéo về nhà trường. Trong kì vọng về con cái, người ta đặc biệt khát vọng có nhiều đứa con trai. "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", "nữ nhân ngoại tộc, bất nhập từ đường" là phản ánh một nhận thức văn hóa. Có những ý kiến lý giải do đời sống kinh tế, đời sống sản xuất vất vả cần nhiều nhân lực, lại có loại kiến cho rằng trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh, giặc giã xảy ra liên miên, cần có lực lượng "dự trữ" về con cái, nhưng có lẽ trước hết là ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo, khi khẳng định vị trí độc tôn của người con trai trong gia đình và trong xã hội.

Ngày nay, tri thức và nhận thức văn hóa của người dân được nâng cao, mức sống và chất lượng sống được biến đổi vì thế thực trạng về con cái cũng đã khác trước. Điều này có thể thấy rõ trong sự so sánh giữa hai thế hệ liên tục: cha mẹ những người được phỏng vấn và những người được phỏng vấn trong độ tuổi. Trong 820 người phụ nữ được phỏng vấn ở cả ba miền cho thấy:

Số con trung bình đã sinh của cha mẹ đối tượng:

- 1- Văn Nhân: 6,0811
- 2- Điện Hồng: 6,600
- 3 Thân Cự Nghĩa: 6,6329

Số con trung bình của đối tượng:

- 1- Văn Nhân: 2,5367
- 2- Điện Hồng: 2,3577
- 3- Thân Cự Nghĩa: 3,0280.

Từ kết quả khảo sát, một chỉ báo khác là có tới 91,6% đối tượng trả lời tán thành có ít con (trong đó Hà Tây: 97,3%; Quảng nam - Đà Nẵng: 95,6% và Tiền Giang: 82,51%). Những thực tế trên phản ánh sự thay đổi quan trọng về quan niệm. Việc xóa bỏ một tập tục, một lễ thói chỉ có thể thực hiện khi toàn bộ điều kiện tồn tại của nó bị mất đi. Rõ ràng vị trí của người con về mặt số lượng đã thay đổi. Về mặt giới tính với các đối tượng phỏng vấn thì tỷ lệ mong muốn có con trai là: 51,8%; con gái: 28,6%; cả trai và gái: 19,6%. Chỉ số trội hơn của kỳ vọng con trai chứng tỏ trong tâm lý và ý thức của người nông dân hiện nay vấn đề người nối dõi tông đường, thờ phụng tổ tiên vẫn không thể xem nhẹ. Tuy nhiên chỉ số 51,8 chưa phải là hoàn toàn chiếm ưu thế, điều đó cũng phản ánh trong thực tế rằng vai trò và vấn đề giới tính người con ít nhiều đã thay đổi.

Ngày nay chức năng xã hội hóa con người không còn là độc quyền của gia đình. Nhiều thiết chế xã hội đã tham gia vào chức năng này, trong đó nổi bật nhất là trường học. Tìm hiểu về mong muốn cho con cái được học tập, chúng tôi có kết quả:

Địa phương \ Cấp học	Văn nhân		Điện Hồng		Thân Cự Nghĩa	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Phổ thông cơ sở	25,8	31,3	15,8	16,8	23,5	29,8
Phổ thông trung học	61,0	57,1	78,0	77,3	70,0	64,0
Cao Đẳng trở lên	13,2	11,8	6,2	5,9	6,5	6,3

Từ những số liệu này có thể nhận xét như sau:

- Thứ nhất, nhìn chung trong mong muốn của các bậc cha mẹ, ở bậc phổ thông cơ sở có tỷ lệ nữ cao hơn nam (nam: 21,5%; nữ: 25,7%) nhưng lại thấp hơn ở bậc phổ thông trung học và cao đẳng trở lên (nam: 70,2%; nữ: 66,6% và nam: 8,3%; nữ: 7,7%). Phải chăng về giá trị của con cái trong nhận thức của người nông dân vẫn xem trọng sự thăng tiến của người con trai hơn. Và hình như họ quan niệm rằng với người con gái vấn đề học

vấn cao không phải là tiên quyết

- *Thứ hai*, ở bậc cao đẳng trở lên trong mong muốn của những người làm cha mẹ chỉ số ở Hà Tây có tỷ lệ cao nhất ở cả nam và nữ (13,1% và 11,8%). Điều này biểu trưng cho nhận thức xem trọng học vấn của cư dân đồng bằng Bắc Bộ - cái nôi của nền văn hóa người Việt.

- *Thứ ba*, ở hai bậc phổ thông cơ sở và phổ thông trung học trong kỳ vọng đối với con cái của các bậc phụ huynh là chiếm ưu thế so với bậc cao đẳng trở lên: trai: 91,7% và nữ: 92,3%. Đây là thước đo tầm nhận thức, chịu ảnh hưởng chi phối của các điều kiện kinh tế - xã hội. Trước hết, khả năng rất hạn chế trong việc cung cấp cho người con học lên ở người nông dân là trở ngại thứ nhất. Vấn đề việc làm đang trở thành nóng bỏng của xã hội, nhất là trong khu vực quốc doanh, là trở ngại thứ hai. Và cuối cùng trong tầm nhìn của người nông dân thì việc đầu tư nhân lực vào ruộng khoán, đầu tư nhân lực vào nghề phụ gia đình là khả năng thực tế nhất, có hiệu quả cụ thể nhất. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng trong thâm tâm người nông dân bao giờ cũng mong muốn cho cuộc đời của con cái sẽ mở mày mở mặt hơn thế hệ mình. Những gia đình có con cái thoát ly, ra thành phố được xem như một giá trị thành đạt so với làng xóm. Qua khảo sát có tới 70,2% số ý kiến trả lời mong muốn con trai sau này được ra thành phố và 68,0% mong muốn cho con gái được sống ở nơi đô thị. Xu thế đô thị hóa đang là một quá trình văn hóa hóa cư dân nông thôn, bắt đầu từ nhận thức.

Qua một số chỉ báo về vai trò đứa con trong gia đình cư dân nông nghiệp hiện nay đã cho thấy có những thay đổi cơ bản trong nhận thức về con cái. Mô hình gia đình đông con nhiều cháu hầu như đã mờ nhạt. Chúng tôi cho rằng, sức ép về quan niệm nối dõi tông đường vẫn còn đáng lưu ý, trong khi sức ép về lực lượng "dự trữ", ngay cả sức ép về nhân lực lao động hiện nay cũng không còn nặng nề. Tất cả những thói quen, những nếp nghĩ cổ xưa từng bước một đã bị thực tế cuộc sống với những biến động mạnh mẽ giải tỏa.

### III. NGƯỜI PHỤ NỮ CỦA GIA ĐÌNH VÀ NHỮNG RÀNG BUỘC TỪ PHÍA GIA ĐÌNH

So với các thế hệ trước, người phụ nữ trong gia đình hiện nay đã có vị trí khác hẳn. Tuổi kết hôn được nâng cao hơn, trình độ học vấn cao hơn, số con đẻ ít đi. Đó là những thay đổi căn bản quyết định sự giải phóng và nâng cao địa vị của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Số liệu khảo sát cho biết chỉ số cao nhất ở lứa tuổi kết hôn lần đầu của đối tượng phỏng vấn là ở độ tuổi 20-24 là 46,5%, trong khi đó ở người mẹ của đối tượng phỏng vấn lại có chỉ số cao nhất ở độ tuổi 15-19 là 52,4%. Về học vấn còn có tới 17,3% người cha và 33,0% người mẹ của đối tượng phỏng vấn còn mù chữ, trong khi chỉ số ở các đối tượng chỉ có 0,1% còn mù chữ, có tới 62,0% đã tốt nghiệp phổ thông cơ sở và 29,9% đã tốt nghiệp phổ thông trung học. Đây là những chỉ báo rất quan trọng phản ánh sự thay đổi vị trí của người phụ nữ trong gia đình nông thôn. Điều đó còn phản ánh sự thay đổi về nhận thức và hệ thống quan niệm xưa cũ. Trong thực tế nông thôn hiện nay đã có thể nói người phụ nữ thực sự đã là một chủ nhân gia đình. Sự thành đạt vị trí của gia đình trong họ tộc, trong làng xóm không còn độc quyền do nam giới quyết định. Tuy nhiên nói rằng người phụ nữ hoàn toàn được giải phóng từ phía gia đình là một nhận định không có căn cứ. Những tâm lý, những thói quen cũ đây đó vẫn còn được bảo lưu. Đặc biệt người phụ nữ chưa thực sự được thoát khỏi gánh nặng của công việc gia đình. Có ý kiến căn cứ vào những tư liệu về việc người phụ nữ tham gia có ý nghĩa quyết định trong công việc đồng áng, chi tiêu, quyết định những vấn đề lớn trong gia đình để kết luận rằng người phụ nữ hoàn toàn được bình đẳng và giải phóng, chúng tôi cho là không có sức thuyết phục. Vấn đề ở chỗ người phụ nữ nông thôn hiện nay có cường độ lao động rất cao. Từ việc đồng áng đến công việc nội trợ, chăm sóc con cái... tất cả đều níu kéo họ, chiếm hầu hết quỹ thời gian của họ. Sự trợ giúp của các thành viên khác như chồng hoặc con cái là một phần hoặc không đáng kể. Hiện vẫn duy trì quan niệm có những công việc là của "đàn bà", họ xem là điều xấu hổ khi người đàn ông mó tay vào, dù họ thừa điều kiện và khả năng để thực hiện. Với câu hỏi "tại sao chị thôi học" thì trong mười phương án trả lời, chỉ số cao nhất thuộc về lý do "giúp công việc nhà" (43,4%).

Cùng với đà văn minh của xã hội, vấn đề tiêu dùng văn hóa đang trở thành một sinh hoạt thường lệ trong gia đình nông thôn. Qua các kết quả khảo sát biết được rằng với các phương tiện đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần trong phạm vi gia đình, những phương tiện được sử dụng nhiều nhất (có xem và có nghe) là: radiô: 75,6%; ti vi: 77,8% (tỷ lệ cao nhất là ở Văn Nhân, một xã nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, nghe radiô: 95,4% và xem ti

vi: 97,7%). Việc phổ cập các phương tiện thông tin đại chúng xuống nông thôn có tác dụng lớn trong việc thay đổi các chuẩn mực giá trị truyền thống, mở rộng tầm hiểu biết và nâng cao nhận thức cho người phụ nữ nói riêng và người nông dân nói chung. Những chỉ số thấp thuộc về xem báo (41,8%) và đọc sách truyện (38,4%) chỉ có thể cắt nghĩa là những phương tiện đó chưa đủ điều kiện thâm nhập rộng rãi vào đời sống nông thôn. Mặt khác quy thời gian của người nông dân là không dễ dàng dành ra một khoản chi phí cho hoạt động này. Đồng thời có lẽ việc đọc sách truyện, xem báo chí trong tầm nhìn của người nông dân là một công việc ít thiết thực, vô bổ. Dù sao, cùng với tiến trình lịch sử người nông dân từ mù chữ đến đọc thông viết thạo, đến phổ cập phổ thông cơ sở và phổ thông trung học, chủ động trong hoạt động tiêu dùng văn hóa là một bước chuyển đổi lớn. Nó phản ánh sự biến đổi về chất của mô hình văn hóa gia đình Việt Nam so với truyền thống. Và không phải chỉ so sánh với truyền thống, mà chỉ cách đây khoảng năm, bảy năm về trước việc đọc sách báo, nhất là xem vô tuyến truyền hình ở nông thôn là điều hiếm hoi. Những cuộc điều tra xã hội học về nông thôn những năm ấy là chưa có phần này trong bảng hỏi khi khảo sát về đời sống văn hóa tinh thần. Như vậy có lẽ trong quá trình chuyển đổi mô hình văn hoá thì lĩnh vực chuyển động nhanh nhất, rõ rệt nhất chính là tiêu dùng văn hóa. Chúng tôi sẽ khẳng định và làm rõ thêm về điều này qua chỉ báo về việc tiêu thụ văn hóa ở phạm vi ngoài gia đình của người phụ nữ nông thôn. Số liệu khảo sát tại các địa phương ở cả ba miền về mức độ tham gia của người phụ nữ trong hoạt động xem phim ảnh, văn nghệ là: thường xuyên: 5,8%; thỉnh thoảng: 58,6%; và không bao giờ: 35,6%.

Căn cứ các số liệu khảo sát, xã Văn Nhân (Hà tây) Và Điện Hồng (Quảng Nam - Đà Nẵng) có mức tiêu dùng văn hóa cao hơn hẳn so với xã Thân Cự Nghĩa (Tiền Giang). Ở mục "không bao giờ" chỉ số từ 10,0% đến 84,9% là một khoảng cách lớn chỉ rõ mức độ khác biệt giữa các vùng về nhu cầu, thị hiếu và khả năng thực hiện nhu cầu văn hóa. Điều này cũng là bình thường trong diễn trình văn hóa của các địa bàn dân cư khác nhau, nhưng là rất đáng lưu tâm đối với việc xây dựng chính sách xã hội cả ở phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

Xét về bình diện thực hiện văn hóa của người phụ nữ nông thôn ngoài phạm vi gia đình hiển nhiên không chỉ có đi xem phim ảnh, văn nghệ, nhưng chỉ ít nó cũng là phương diện nổi rõ nhất và chủ yếu nhất có tính chất định tính. Chỉ số 35,6% số chị em trả lời "không bao giờ" thường thức các loại hình văn hóa trên, hoặc là thực tâm họ không thích hoặc là do không có điều kiện thì cũng đã nói được rằng: còn một bộ phận không nhỏ chị em ở nông thôn chưa hòa nhập được vào mặt bằng sinh hoạt văn hóa của xã hội đương đại. Đó là mặt hạn chế, mặt đáng quan tâm nếu nhìn nhận theo tính chất tổng kết thực trạng. Tuy nhiên trên góc độ tìm hiểu sự thăng tiến, sự chuyển đổi trong tiêu dùng văn hóa thì chỉ số này là một điểm mốc đánh dấu quan trọng. Số liệu khảo sát xã hội học về nông thôn đồng bằng Bắc Bộ của Viện Xã hội học tại xã Đông Dương - Đông Hưng - Thái Bình năm 1983 khi tìm hiểu về số chị em tham gia các sinh hoạt văn hóa - văn nghệ trong thời gian một năm thì ở mức độ "không xem" là:

Phim: 59,6%

Ca nhạc: 94,2%

Kịch nói: 87,3%.

Từ những chỉ số áp đảo này đến một chỉ số 35,6% rõ ràng đã là một bước tiến đáng kể.

Trong lịch sử, chị em phụ nữ ở làng quê cũng đã từng tiêu dùng văn hóa ngoài gia đình. Đó là những ngày hội làng, hội chùa, những đêm chèo, tuồng, cải lương... Tuy nhiên "nông vụ chí ki" mỗi năm chỉ có đôi ba bận vui vẻ và mặt khác, nội dung của hội làng, của các tích chuyện tuồng chèo là lặp lại, là cảnh cũ người xưa, là giáo dục đạo đức, lễ giáo phong kiến, phản ánh đúng cơ chế đóng cửa của một mô hình văn hóa khép kín. Việc xem phim ảnh văn nghệ có chỉ số cao những chị em tham gia đã là rất quan trọng, vì bản chất của phim ảnh, văn nghệ hiện đại mang nội dung mới về những vấn đề của quốc gia và của nhân loại, phản ánh thực chất mô hình văn hóa kiểu mới: rộng mở, khác về chất và ở tầm cao hơn.

Chúng tôi đã từng nói, kết quả đó có nguồn gốc từ việc nâng cao đời sống vật chất, đời sống văn hóa, trình độ học vấn, sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Ở đây cũng cần lưu ý đến một khía cạnh khác liên quan chặt chẽ với chất lượng của việc tiêu dùng văn hóa và có thể coi như một thước đo của chính nó. Đó là khả năng, mức độ



giao lưu, giao tiếp của người phụ nữ nông thôn hiện nay.

Mọi tương tác xã hội của người phụ nữ nông thôn Việt Nam ngày xưa chỉ diễn ra trong gia đình, thân tộc, mở rộng hơn là các hoạt động ở phạm vi làng xã như hội, lễ, chợ búa. Rất hiếm khi họ ra khỏi làng, xã. Hiện nay với người phụ nữ nông thôn việc đi ra khỏi làng, xã đến địa phương khác, đã là một chuyện thường tình. Với câu hỏi: Chi có thường ra thị trấn không, kết quả được chia theo các mức độ là: thường xuyên: 20,5%; thỉnh thoảng: 71,3%; không bao giờ: 8,2%.

Về hình thức những giao tiếp hiện nay có thể vẫn như cũ, đại loại là những công việc gia đình và bản thân, là hiếu hỷ thăm hỏi, là đi chơi giải trí v.v... Nhưng vấn đề là ở chỗ ra thị trấn, tức là thành phố so với làng quê, đã là từ một kiểu văn hóa này đến một kiểu văn hóa khác từ một nền văn hóa thấp đến một nền văn hóa cao. Như chúng tôi đã đề cập thì đây cũng là một khía cạnh của quá trình văn hóa nông thôn hiện nay. Trong điều kiện đời sống kinh tế xã hội hiện nay, xu thế đó là tất yếu và vì thế người phụ nữ có rất nhiều thuận lợi và cơ hội để khẳng định khả năng, vai trò theo chiều hướng tích cực. Và điều này cũng cần được ghi nhận như một thành quả của sự nghiệp giải phóng người phụ nữ ở Việt Nam.

Về mức độ tán thành, ủng hộ của các thành viên gia đình đối với việc sử dụng các biện pháp tránh thai của chị em phụ nữ trong độ tuổi là: chồng: 85,6%; bố chồng: 61,7%; mẹ chồng: 70,2%; bố đẻ: 66,4%; mẹ đẻ: 73,4%.

Đó là một bối cảnh rất thuận lợi cho người phụ nữ trong việc áp dụng kế hoạch hóa gia đình khi có đa số ý kiến những người thân, có vị trí quan trọng trong các quan hệ gia đình ủng hộ việc sử dụng các biện pháp tránh thai. Đặc biệt là người chồng, người gần gũi và có vai trò chủ yếu tạo nên hạnh phúc gia đình. Chỉ khi có một tầm nhận thức cao mới có được những chỉ số có sức thuyết phục như vậy. Tuy nhiên, khảo sát các chỉ số cũng thấy được những tỷ lệ thấp nhất thuộc về hai bậc phụ huynh cùng một giới, đó là bố chồng: 61,7% và bố đẻ: 66,4%. Phải chăng sự bảo lưu những giá trị truyền thống được lưu giữ nhiều nhất ở những người này. Trong xã hội truyền thống (mà họ đã từng trải qua) chính họ là tầng lớp có lắm đặc quyền đặc lợi trong gia đình, thân tộc và làng xã. Vì thế có lẽ sự thay đổi của một chuẩn mực giá trị có lúc không phải gắn với tầm nhận thức, tầm văn hóa mà là gắn với vấn đề lợi ích.

Vấn đề thay đổi và nâng cao vị trí người phụ nữ trong gia đình nông thôn hiện nay qua khảo sát đã là một thực tế có tính xu hướng phổ cập. Hơn thế nữa điều đó là một khẳng định cho sự biến đổi của mô hình văn hóa gia đình truyền thống.

\*

\* \*

Như vậy ở Việt Nam quá trình chuyển đổi của mô hình văn hóa gia đình truyền thống đã và đang diễn ra, một mô hình mới đã xuất hiện. Từ một cơ cấu đóng chuyển sang một cơ cấu mở. Từ những quan hệ theo chiều dọc đến những quan hệ đa chiều. Từ một hệ thống ứng xử được khuôn mẫu hóa đến một hệ thống hành vi đa dạng và hợp lý hơn. Tất cả những chuyển đổi đó được diễn ra đồng hành với quá trình nâng cao đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần. Tuy nhiên đây là một quá trình chuyển đổi phức tạp. Sự tác động và chi phối của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội diễn ra trong một chặng đường lịch sử hàng chục năm là theo những chiều hướng khác nhau. Theo xu thế tích cực chính là ảnh hưởng của sự đổi mới cơ chế quản lý, áp dụng cơ chế thị trường trong sản xuất kinh doanh, là sự nâng cao đời sống vật chất và văn hóa, là việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào mọi lĩnh vực đời sống nông thôn, đã xóa bỏ dần các hệ giá trị truyền thống đã lỗi thời, phản tiến hóa. Mặt khác, những biến động của lịch sử như chiến tranh, như các vấn đề về môi trường, đất đai, dân số v.v cũng ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình chuyển hóa đó. Trong gia đình Việt Nam đã xuất hiện vấn đề các thế hệ, vấn đề đạo đức... có tác hại không ít đến các quan hệ con người, đến tính nhân ái. Đây là một khía cạnh không thể không lưu ý khi xem xét vấn đề này.

Mô hình văn hoá mới đã xuất hiện trong gia đình nông thôn Việt Nam, điều này cần được nhìn nhận như cơ sở đầu tiên của sự nghiệp phát triển nông thôn. Rõ ràng muốn thay đổi bộ mặt nông thôn, đầu tiên phải chú ý đến nhân tố con người. Trong hoạt động sống của mọi thành viên xã hội với tư cách là con người thì mọi hành

vi đều gắn với văn hóa. Trên cơ sở đó chúng tôi cho rằng giải quyết vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình trên góc độ nhận thức và giá trị phải là bước đi đầu tiên để thực thi chiến lược con người trong sự nghiệp phát triển nông thôn. Đây là một công việc khó khăn nhưng khả năng thành công là chắc chắn.



Quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các hộ gia đình tạo điều kiện cho tổ chức phân công lao động trong gia đình hợp lý hơn.  
Một gia đình làm nghề giấy ở xã Hồng Minh (Phú Xuyên - Hà Tây).